

SỞ Y TẾ TỈNH PHÚ THỌ
BỆNH VIỆN ĐA KHOA HÒA BÌNH

Số: ~~1274~~/TMBG-BVĐKHB

V/v Thư mời chào báo giá

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Phú Thọ, ngày ~~26~~ tháng 8 năm 2025

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Quý nhà cung cấp

Căn cứ Luật quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 của Quốc hội ngày 21 tháng 06 năm 2017;

Căn cứ Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023; được sửa đổi bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15; Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ nhu cầu khám, chữa bệnh các khoa và Kế hoạch phát triển của Bệnh viện.

Bệnh viện Đa khoa Hòa Bình kính mời các đơn vị có đủ năng lực và kinh nghiệm may trang phục cho cán bộ Bệnh viện Đa khoa Hòa Bình yêu cầu dưới đây, vui lòng gửi hồ sơ chào giá cho Bệnh viện Đa khoa Hòa Bình theo nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa Hoà Bình, Địa chỉ: Đường Cù Chính Lan, phường Hòa Bình, Thành phố Hoà Bình, Tỉnh Phú Thọ.

2. Thông tin liên hệ: Tổ đấu thầu, Số điện thoại: 02183.896546-126

3. Cách thức tiếp nhận báo giá: Gửi qua đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp văn thư theo địa chỉ: Tổ đấu thầu mua sắm, Bệnh viện Đa khoa Hoà Bình, Đường Cù Chính Lan, phường Hòa Bình, Tỉnh Phú Thọ. (Trên bì thư ghi rõ: Báo giá cho thư mời báo giá số.... ngày ... tháng ... năm 2025).

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: 05 ngày kể từ ngày ký và được đăng tải trên website của Bệnh viện hoặc trang <https://muasamcong.mpi.gov.vn/>.

(Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét).

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 05 tháng kể từ ngày nhà cung cấp chào báo giá theo nội dung của Thư mời chào báo giá này.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hàng hóa: May trang phục cho cán bộ Bệnh viện Đa khoa Hòa Bình *(Chi tiết theo Phụ lục 01 đính kèm).*

2. Hồ sơ báo giá gồm các tài liệu:

- Thư báo giá hàng hóa, dịch vụ theo Phụ lục đính kèm.
- Hồ sơ năng lực của công ty (01 bản photo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác có ngành nghề kinh doanh phù hợp với yêu cầu của gói thầu.)

3. Địa điểm cung cấp và bảo hành hàng hóa: Bệnh viện Đa khoa Hoà Bình, Địa chỉ: Đường Cù Chính Lan, phường Hòa Bình, Tỉnh Phú Thọ.

4. Thời gian cung cấp hàng hóa, dịch vụ dự kiến: 03 tháng.

5. Mẫu Báo giá: *Chi tiết theo Phụ lục 02 đính kèm.*

Lưu ý: Đơn giá của quý công ty đã bao gồm thuế, phí và các chi phí khác (nếu có), bên mua không phải trả bất kỳ một chi phí nào thêm.

Trân trọng. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc (BC);
- Các khoa, phòng Bệnh viện;
- Phòng CTXH (Đăng tải Website Bv);
- Lưu VT; Tổ đấu thầu.



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hoàng Diệu



PHỤ LỤC SỐ 01: DANH MỤC HÀNG HÓA

(Kèm theo thư mời Số 123/TMBG-BVĐKHB, ngày 26 tháng 8 năm 2025 của Bệnh viện Đa khoa Hòa Bình)

STT	Danh mục	Quy cách may	Chất liệu, thông số vải	Đơn vị tính	Số lượng
1	Áo bác sỹ	- Có in logo bệnh viện, thêu tên khoa và tên cá nhân - Quy cách may theo điều 4 thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của Bộ Y Tế May đo theo số đo cá nhân	* Áo Bác sỹ ngắn tay (mùa hè) Chất liệu: Kaki thun hoặc tương đương, màu trắng Thành phần: Khối lượng vải (G/M2) 252.7 ± 1 Mật độ vải (Sợi/10CM) (ĐộcxNgang) $465 \times 334 \pm 5$ Độ bền xé rách (N) (ĐộcxNgang) $81.2 \times 52.6 \pm 1$ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (ĐộcxNgang) $(-0.6) \times (-0.5) \pm 1$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 74.4 ± 1 Rayon 23.2 ± 1 Spandex 2.4 ± 1 * Áo Bác sỹ dài tay (mùa đông) Chất liệu: Kate hoặc tương đương, màu trắng Thành phần: Khối lượng vải (G/M2) 105.3 ± 1 Mật độ vải (Sợi/10CM) (ĐộcxNgang) $455 \times 314 \pm 5$ Độ bền xé rách (N) (ĐộcxNgang) $17.6 \times 12.2 \pm 1$ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (ĐộcxNgang) $(-1.4) \times (0.0) \pm 1$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 64.3 ± 1, Cotton 35.7 ± 1	Chiếc	485

STT	Danh mục	Quy cách may	Chất liệu, thông số vải	Đơn vị tính	Số lượng
2	Áo Bác Sỹ (GMHS)	- Có in logo bệnh viện, thêu tên khoa và tên cá nhân - Quy cách may theo điều 8 thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của Bộ Y Tế D4 - May đo theo số đo cá nhân	Áo Bác Sỹ (GMHS), màu xanh cổ vệt *Chất liệu kaki thun hoặc tương đương: Khối lượng vải (G/M2) 251.7 ± 1 Mật độ vải (Sợi/10CM) (DọcxNgang) $460 \times 334 \pm 5$ Độ bền xé rách (N) (DọcxNgang) $60.0 \times 34.8 \pm 1$ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DọcxNgang) $(-0.4) \times (-0.3) \pm 1$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 74.6 ± 1 Rayon 23.2 ± 1 Spandex 2.2 ± 1	Chiếc	8
3	Quần Bác sỹ	- Thêu tên khoa và tên cá nhân phía trước mép túi quần - Quy cách may theo điều 4 thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của Bộ Y Tế - May đo theo số đo cá nhân	* Quần Bác sỹ (mùa hè) Chất liệu: Kaki thun hoặc tương đương, màu trắng Thành phần: Khối lượng vải (G/M2) 252.7 ± 1 Mật độ vải (Sợi/10CM) (DọcxNgang) $465 \times 334 \pm 5$ Độ bền xé rách (N) (DọcxNgang) $81.2 \times 52.6 \pm 1$ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DọcxNgang) $(-0.6) \times (-0.5) \pm 1$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 74.4 ± 1 Rayon 23.2 ± 1 Spandex 2.4 ± 1 * Quần Bác sỹ (mùa đông) Chất liệu: Kate hoặc tương đương, màu trắng Thành phần: Khối lượng vải (G/M2) 105.3 ± 1 Mật độ vải (Sợi/10CM) (DọcxNgang) $455 \times 314 \pm 5$ Độ bền xé rách (N) (DọcxNgang) $17.6 \times 12.2 \pm 1$ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DọcxNgang) $(-1.4) \times (0.0) \pm 1$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 64.3 ± 1, Cotton 35.7 ± 1	Chiếc	406



STT	Danh mục	Quy cách may	Chất liệu, thông số vải	Đơn vị tính	Số lượng
4	Quần Bác Sỹ (GMHS)	- Thêu tên khoa và tên cá nhân phía trước mép túi quần Quy cách may theo điều 8 thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của Bộ Y Tế	Quần Bác Sỹ (GMHS), màu xanh cổ vịt *Chất liệu kaki thun hoặc tương đương: Khối lượng vải (G/M2) 251.7 ± 1 Mật độ vải (Sợi/10CM) (DọcNgang) 460 x 334 ± 5 Độ bền xé rách (N) (DọcNgang) 60.0 x 34.8 ± 1 Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DọcNgang) (-0.4)x(-0.3) ± 1 Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 74.6 ± 1 Rayon 23.2 ± 1 Spandex 2.2 ± 1	Chiếc	8
5	Áo Điều dưỡng, Nữ hộ sinh, Y sỹ	- Có in logo bệnh viện , thêu tên khoa và tên cá nhân - Quy cách may theo điều 5 thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của Bộ Y Tế May đo theo số đo cá nhân	* Áo ngắn tay (mùa hè)Chất liệu: Kaki thun hoặc tương đương, màu trắngThành phần:Khối lượng vải (G/M2) 252.7 ± 1Mật độ vải (Sợi/10CM) (DọcNgang) 465 x 334 ± 5Độ bền xé rách (N) (DọcNgang) 81.2 x 52.6 ± 1Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DọcNgang) (-0.6)x(-0.5) ± 1Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5Định tính và định lượng nguyên liệu (%)Polyester 74.4 ± 1Rayon 23.2 ± 1Spandex 2.4 ± 1* Áo dài tay (mùa đông)Chất liệu: Kate hoặc tương đương, màu trắngThành phần:Khối lượng vải (G/M2) 105.3 ± 1Mật độ vải (Sợi/10CM) (DọcNgang) 455x314± 5Độ bền xé rách (N) (DọcNgang) 17.6x12.2 ± 1Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DọcNgang) (-1.4)x(0.0)± 1Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5Định tính và định lượng nguyên liệu (%)Polyester 64.3 ± 1 , Cotton 35.7 ± 1	Chiếc	798

STT	Danh mục	Quy cách may	Chất liệu, thông số vải	Đơn vị tính	Số lượng
6	Áo Điều dưỡng (GMHS)	- Có in logo bệnh viện, thêu tên khoa và tên cá nhân - Quy cách may theo điều 8 thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của Bộ Y Tế - May đo theo số đo cá nhân	Áo Điều dưỡng (GMHS), màu xanh cô vít *Chất liệu kaki thun hoặc tương đương: Khối lượng vải (G/M2) 251.7 ± 1 Mật độ vải (Sợi/10CM) (DọcNgang) $460 \times 334 \pm 5$ Độ bền xé rách (N) (DọcNgang) $60.0 \times 34.8 \pm 1$ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DọcNgang) $(-0.4) \times (-0.3) \pm 1$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 74.6 ± 1 Rayon 23.2 ± 1 Spandex 2.2 ± 1	Chiếc	29
7	Quần Điều dưỡng, Nữ hộ sinh	- Thêu tên khoa và tên cá nhân phía trước mép túi quần - Quy cách may theo điều 5 thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của Bộ Y Tế - May đo theo số đo cá nhân	* Quần điều dưỡng (mùa hè) Chất liệu: Kaki thun hoặc tương đương, màu trắng Thành phần: Khối lượng vải (G/M2) 252.7 ± 1 Mật độ vải (Sợi/10CM) (DọcNgang) $465 \times 334 \pm 5$ Độ bền xé rách (N) (DọcNgang) $81.2 \times 52.6 \pm 1$ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DọcNgang) $(-0.6) \times (-0.5) \pm 1$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 74.4 ± 1 Rayon 23.2 ± 1 Spandex 2.4 ± 1 * Quần điều dưỡng (mùa đông) Chất liệu: Kate hoặc tương đương, màu trắng Thành phần: Khối lượng vải (G/M2) 105.3 ± 1 Mật độ vải (Sợi/10CM) (DọcNgang) $455 \times 314 \pm 5$ Độ bền xé rách (N) (DọcNgang) $17.6 \times 12.2 \pm 1$ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DọcNgang) $(-1.4) \times (0.0) \pm 1$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 64.3 ± 1, Cotton 35.7 ± 1	Chiếc	793

STT	Danh mục	Quy cách may	Chất liệu, thông số vải	Đơn vị tính	Số lượng
8	Quần Điều dưỡng (GMHS)	- Thêu tên khoa và tên cá nhân phía trước mép túi quần - Quy cách may theo điều 8 thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của Bộ Y Tế - May đo theo số đo cá nhân	Quần Điều dưỡng (GMHS), màu xanh cổ vịt *Chất liệu kaki thun hoặc tương đương: Khối lượng vải (G/M2) 251.7 ± 1 Mật độ vải (Sợi/10CM) (DọcxNgang) 460 x 334 ± 5 Độ bền xé rách (N) (DọcxNgang) 60.0 x 34.8 ± 1 Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DọcxNgang) (-0.4)x(-0.3) ± 1 Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 74.6 ± 1 Rayon 23.2 ± 1 Spandex 2.2 ± 1	Chiếc	29
9	Áo của Dược sĩ	- Có in logo bệnh viện , thêu tên khoa và tên cá nhân - Quy cách may theo điều 7 thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của Bộ Y Tế - May đo theo số đo cá nhân	* Áo được sử dụng tay (mùa hè)Chất liệu: Kaki thun hoặc tương đương, màu trắngThành phần:Khối lượng vải (G/M2) 252.7 ± 1Mật độ vải (Sợi/10CM) (DọcxNgang) 465 x 334 ± 5Độ bền xé rách (N) (DọcxNgang) 81.2 x 52.6 ± 1Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DọcxNgang) (-0.6)x(-0.5) ± 1Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5Định tính và định lượng nguyên liệu (%)Polyester 74.4 ± 1Rayon 23.2 ± 1Spandex 2.4 ± 1* Áo được sử dụng tay (mùa đông)Chất liệu: Kate hoặc tương đương, màu trắngThành phần:Khối lượng vải (G/M2) 105.3 ± 1Mật độ vải (Sợi/10CM) (DọcxNgang) 455x314± 5Độ bền xé rách (N) (DọcxNgang) 17.6x12.2 ± 1Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DọcxNgang) (-1.4)x(0.0)± 1Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5Định tính và định lượng nguyên liệu (%)Polyester 64.3 ±1 , Cotton 35.7 ±1	Chiếc	58

STT	Danh mục	Quy cách may	Chất liệu, thông số vải	Đơn vị tính	Số lượng
10	Quần của Dược sĩ	- Thêu tên khoa và tên cá nhân phía trước mép túi quần - Quy cách may theo điều 7 thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của Bộ Y Tế.	* Quần được sử (mùa hè)Chất liệu: Kaki thun hoặc tương đương, màu trắngThành phần:Khối lượng vải (G/M2) 252.7 ± 1Mật độ vải (Sợi/10CM) (DọcxNgang) 465 x 334 ± 5Độ bền xé rách (N) (DọcxNgang) 81.2 x 52.6 ± 1Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DọcxNgang) (-0.6)x(-0.5) ± 1Độ bền màu giặt ở 40°C (CÁP) 4-5Định tính và định lượng nguyên liệu (%)Polyester 74.4 ± 1Rayon 23.2 ± 1Spandex 2.4 ± 1* Quần được sử (mùa đông)Chất liệu: Kate hoặc tương đương, màu trắngThành phần:Khối lượng vải (G/M2) 105.3 ± 1Mật độ vải (Sợi/10CM) (DọcxNgang) 455x314± 5Độ bền xé rách (N) (DọcxNgang) 17.6x12.2 ± 1Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DọcxNgang) (-1.4)x(0.0)± 1Độ bền màu giặt ở 40°C (CÁP) 4-5Định tính và định lượng nguyên liệu (%)Polyester 64.3 ± 1, Cotton 35.7 ± 1	Chiếc	16
11	Áo của Kỹ thuật viên xét nghiệm, Kỹ sư môi trường, cử nhân y tế công cộng, kỹ thuật viên Phục hồi chức năng, Kỹ thuật viên chẩn đoán hình ảnh	- Có in logo bệnh viện , thêu tên khoa và tên cá nhân - Quy cách may theo điều 6 thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của Bộ Y TếMay đo theo số đo cá nhân	* Áo ngắn tay (mùa hè)Chất liệu: Kaki thun hoặc tương đương, màu trắngThành phần:Khối lượng vải (G/M2) 252.7 ± 1Mật độ vải (Sợi/10CM) (DọcxNgang) 465 x 334 ± 5Độ bền xé rách (N) (DọcxNgang) 81.2 x 52.6 ± 1Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DọcxNgang) (-0.6)x(-0.5) ± 1Độ bền màu giặt ở 40°C (CÁP) 4-5Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 74.4 ± 1Rayon 23.2 ± 1Spandex 2.4 ± 1* Áo dài tay(mùa đông)Chất liệu: Kate hoặc tương đương, màu trắngThành phần:Khối lượng vải (G/M2) 105.3 ± 1Mật độ vải (Sợi/10CM) (DọcxNgang) 455x314± 5Độ bền xé rách (N) (DọcxNgang) 17.6x12.2 ± 1Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DọcxNgang) (-1.4)x(0.0)± 1Độ bền màu giặt ở 40°C (CÁP) 4-5Định tính và định lượng nguyên liệu (%)Polyester 64.3 ± 1, Cotton 35.7 ± 1	Chiếc	146

STT	Danh mục	Quy cách may	Chất liệu, thông số vải	Đơn vị tính	Số lượng
12	Áo của Kỹ thuật viên gây mê	- Có in logo bệnh viện, thêu tên khoa và tên cá nhân - Quy cách may theo điều 8 thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của Bộ Y Tế - May đo theo số đo cá nhân	Áo của Kỹ thuật viên gây mê, màu xanh cổ vịt *Chất liệu kaki thun hoặc tương đương: Khối lượng vải (G/M2) 251.7 ± 1 Mật độ vải (Sợi/10CM) (Dọc/Ngang) $460 \times 334 \pm 5$ Độ bền xé rách (N) (Dọc/Ngang) $60.0 \times 34.8 \pm 1$ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (Dọc/Ngang) $(-0.4) \times (-0.3) \pm 1$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 74.6 ± 1 Rayon 23.2 ± 1 Spandex 2.2 ± 1	Chiếc	10
13	Quần của Kỹ thuật viên xét nghiệm, Kỹ sư môi trường, cử nhân y tế công cộng, kỹ thuật viên Phục hồi chức năng, Kỹ thuật viên chẩn đoán hình ảnh	- Thêu tên khoa và tên cá nhân phía trước mép túi quần - Quy cách may theo điều 7 thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của Bộ Y Tế - Máy đo theo số đo cá nhân	*Quần của Kỹ thuật viên xét nghiệm, Kỹ sư môi trường, cử nhân y tế công cộng, kỹ thuật viên Phục hồi chức năng, Kỹ thuật viên chẩn đoán hình ảnh (mùa hè)Chất liệu: Kaki thun hoặc tương đương, màu trắngThành phần:Khối lượng vải (G/M2) 252.7 ± 1Mật độ vải (Sợi/10CM) (Dọc/Ngang) $465 \times 334 \pm 5$Độ bền xé rách (N) (Dọc/Ngang) $81.2 \times 52.6 \pm 1$Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (Dọc/Ngang) $(-0.6) \times (-0.5) \pm 1$Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 74.4 ± 1Rayon 23.2 ± 1Spandex 2.4 ± 1* Quần của Kỹ thuật viên xét nghiệm, Kỹ sư môi trường, cử nhân y tế công cộng, kỹ thuật viên Phục hồi chức năng, Kỹ thuật viên chẩn đoán hình ảnh (mùa đông)Chất liệu: Kate hoặc tương đương, màu trắngThành phần:Khối lượng vải (G/M2) 105.3 ± 1Mật độ vải (Sợi/10CM) (Dọc/Ngang) $455 \times 314 \pm 5$Độ bền xé rách (N) (Dọc/Ngang) $17.6 \times 12.2 \pm 1$Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (Dọc/Ngang) $(-1.4) \times (0.0) \pm 1$Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5Định tính và định lượng nguyên liệu (%)Polyester 64.3 ± 1, Cotton 35.7 ± 1	Chiếc	107

STT	Danh mục	Quy cách may	Chất liệu, thông số vải	Đơn vị tính	Số lượng
14	Quần của Kỹ thuật viên gây mê	- Thêu tên khoa và tên cá nhân phía trước mép túi quần - Quy cách may theo điều 8 thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của Bộ Y Tế - May đo theo số đo cá nhân	Quần của Kỹ thuật viên gây mê, màu xanh cổ vịt *Chất liệu kaki thun hoặc tương đương: Khối lượng vải (G/M2) 251.7 ± 1 Mật độ vải (Sợi/10CM) (DọcxNgang) $460 \times 334 \pm 5$ Độ bền xé rách (N) (DọcxNgang) $60.0 \times 34.8 \pm 1$ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DọcxNgang) $(-0.4) \times (-0.3) \pm 1$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 74.6 ± 1 Rayon 23.2 ± 1 Spandex 2.2 ± 1	Chiếc	10

STT	Danh mục	Quy cách may	Chất liệu, thông số vải	Đơn vị tính	Số lượng
15	Áo của hộ lý	- Có in logo bệnh viện , thêu tên khoa và tên cá nhân - Quy cách may theo điều 10 thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của Bộ Y Tế	*Áo của hộ lý ngắn tay (mùa hè)Chất liệu: Kaki thun hoặc tương đươngMàu sắc: Xanh hòa bìnhThành phần:Khối lượng vải (G/M2) 246.8 ± 1Mật độ vải (Sợi/10CM) (DọcxNgang) $460 \times 340 \pm 5$Độ bền xé rách (N) (DọcxNgang) $71.7 \times 55.5 \pm 1$Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DọcxNgang) $(-0.5) \times (-0.2) \pm 1$Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5Định tính và định lượng nguyên liệu (%)Polyester 75.2 ± 1Rayon 22.4 ± 1Spandex 2.4 ± 1 * Áo của hộ lý dài tay (mùa đông)Chất liệu: Kate hoặc tương đươngMàu sắc: Xanh hòa bìnhThành phần:Khối lượng vải (G/M2) 109.2 ± 1Mật độ vải (Sợi/10CM) (DọcxNgang) $460 \times 317 \pm 5$Độ bền xé rách (N) (DọcxNgang) $13.9 \times 9.6 \pm 1$Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DọcxNgang) $(-1.1) \times (-0.1) \pm 1$Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 64.8 ± 1Cotton 35.2 ± 1	Chiếc	4
16	Quần của hộ lý	- Thêu tên khoa và tên cá nhân phía trước mép túi quần - Quy cách may theo điều 10 thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của Bộ Y TếMay đo theo số đo cá nhân	*Quần của hộ lý mùa hèChất liệu: Kaki thun hoặc tương đươngMàu sắc: Xanh hòa bìnhThành phần:Khối lượng vải (G/M2) 246.8 ± 1Mật độ vải (Sợi/10CM) (DọcxNgang) $460 \times 340 \pm 5$Độ bền xé rách (N)(DọcxNgang) $71.7 \times 55.5 \pm 1$Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DọcxNgang) $(-0.5) \times (-0.2) \pm 1$Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 75.2 ± 1Rayon 22.4 ± 1Spandex 2.4 ± 1 * Quần của hộ lý mùa đôngChất liệu: Kate hoặc tương đươngMàu sắc: Xanh hòa bìnhThành phần:Khối lượng vải (G/M2) 109.2 ± 1Mật độ vải (Sợi/10CM) (DọcxNgang) $460 \times 317 \pm 5$Độ bền xé rách (N) (DọcxNgang) $13.9 \times 9.6 \pm 1$Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DọcxNgang) $(-1.1) \times (-0.1) \pm 1$Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 64.8 ± 1Cotton 35.2 ± 1	Chiếc	4

STT	Danh mục	Quy cách may	Chất liệu, thông số vải	Đơn vị tính	Số lượng
17	Áo của nhân viên tổ cơ khí, nhân viên vận hành hệ thống xử lý chất thải	- Áo : Có in logo bệnh viện (Kích thước 5cm), kiểu budong ngắn tay (hoặc dài tay) lay lơ vê, có nẹp cầu vai, 2 túi có nút áp theo dạng cúc đóng, thêm một lớp khóa kéo bên trong áo, có thêm tên khoa và tên cá nhân phía trên túi ngực trái, có khuy cài bên tên trên ngực trái May đo theo số đo cá nhân	*Áo của nhân viên tổ cơ khí, nhân viên vận hành hệ thống xử lý chất thải Chất liệu: Kate hoặc tương đương Màu sắc: Màu ghi Thành phần: Khối lượng vải (G/M2) 104.5 ± 1 Mật độ vải (Sợi/10CM) (DọcNgang) $455 \times 317 \pm 5$ Độ bền xé rách (N) (DọcNgang) $10.0 \times 7.8 \pm 0.2$ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DọcNgang) $(-1.7) \times (0.0) \pm 1$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 64.6 ± 1 Cotton 35.4 ± 1	Chiếc	15
18	Quần của nhân viên tổ cơ khí, nhân viên vận hành hệ thống xử lý chất thải	- Quần âu 2 ly, có 1 túi sau- Thêu tên khoa và tên cá nhân phía trước mép túi quần May đo theo số đo cá nhân	*Quần của nhân viên tổ cơ khí, nhân viên vận hành hệ thống xử lý chất thải Chất liệu: Kaki hoặc tương đương Màu sắc: màu ghi Thành phần: Khối lượng vải (G/M2) 217.6 ± 1 Mật độ vải (Sợi/10CM) (DọcNgang) $430 \times 210 \pm 5$ Độ bền xé rách (N) (DọcNgang) $92.2 \times 54.0 \pm 1$ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DọcNgang) $(-1.0) \times (0.0) \pm 1$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 86.4 ± 1 Cotton 13.6 ± 1	Chiếc	12

STT	Danh mục	Quy cách may	Chất liệu, thông số vải	Đơn vị tính	Số lượng
19	Áo của Kỹ thuật viên y tế, kỹ sư thiết bị, nhân viên bảo trì, nhân viên cơ khí, nhân viên lái xe cấp cứu	- Áo : Có in logo bệnh viện (Kích thước 5cm), kiểu thun ngắn tay (hoặc dài tay) , có thêu tên khoa và tên cá nhân phía trên túi ngực trái , có khuy cài bên tên trên ngực trái - May đo theo số đo cá nhân	*Áo của Kỹ thuật viên y tế, kỹ sư thiết bị, nhân viên bảo trì, nhân viên cơ khí, nhân viên lái xe cấp cứu Chất liệu: Kate hoặc tương đương Màu sắc: màu ghi Thành phần: Khối lượng vải (G/M2) 104.5 ± 1 Mật độ vải (Sợi/10CM) (DọcNgang) $455 \times 317 \pm 5$ Độ bền xé rách (N) (DọcNgang) $10.0 \times 7.8 \pm 1$ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DọcNgang) $(-1.7) \times (0.0) \pm 1$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 64.6 ± 1 Cotton 35.4 ± 1	Chiếc	52
20	Quần của Kỹ thuật viên y tế, kỹ sư thiết bị, nhân viên bảo trì, nhân viên cơ khí, nhân viên lái xe cấp cứu	- Quần âu 2 ly, phần thắt lưng có chun ở phía sau, đàng trước có khóa và cúc - Thêu tên khoa và tên cá nhân phía trước mép túi quần - May đo theo số đo cá nhân	*Quần của Kỹ thuật viên y tế, kỹ sư thiết bị, nhân viên bảo trì, nhân viên cơ khí, nhân viên lái xe cấp cứu Chất liệu: Kaki hoặc tương đương Màu sắc: màu ghi Thành phần: Khối lượng vải (G/M2) 217.6 ± 1 Mật độ vải (Sợi/10CM) (DọcNgang) $430 \times 210 \pm 5$ Độ bền xé rách (N) (DọcNgang) $92.2 \times 54.0 \pm 1$ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DọcNgang) $(-1.0) \times (0.0) \pm 1$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 86.4 ± 1 Cotton 13.6 ± 1	Chiếc	52

STT	Danh mục	Quy cách may	Chất liệu, thông số vải	Đơn vị tính	Số lượng
21	Áo của bảo vệ	1. Áo: Có in logo bệnh viện (Kích thước 5cm), Áo ngắn tay (dài tay), có nẹp cầu vai, tay lơ vê, 2 túi có nắp, có khuy cài bên trên ngực trái. Hoặc có thêu tên khoa, phòng và tên cá nhân phía trên túi ngực trái. 2. Áo ghi lê: Có in logo bệnh viện (Kích thước 5cm), có in chữ SECURITY chữ đỏ, nền vàng dọc sau lưng. 3. Áo khoác : Có in logo bệnh viện (Kích thước 5cm), kiểu budong, cổ chữ K, phí trước 2 túi hơi chéo có nắp túi, 4 cúc, có nẹp cầu vai, có khuy cài bên trên ngực trái. Hoặc có thêu tên khoa, phòng và tên cá nhân. 4. Mũ kiểu keepi cùng màu với áo. May đo theo số đo cá nhân	*Áo của bảo vệ Chất liệu: Kate hoặc tương đương Màu sắc: Màu tím than Thành phần: Khối lượng vải (G/M2) 109.2 ± 1 Mật độ vải (Sợi/10CM) (DọcxNgang) 460x317 ± 5 Độ bền xé rách (N) (DọcxNgang) 13.9x9.6 ± 1 Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DọcxNgang) (-1.1)x(-0.1) ± 1 Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 64.8 ± 1 Cotton 35.2 ± 1	Chiếc	76

STT	Danh mục	Quy cách may	Chất liệu, thông số vải	Đơn vị tính	Số lượng
22	Quần của bảo vệ	- Quần âu 2 ly, có 1 túi sau - Thêu tên khoa và tên cá nhân phía trước mép túi quần	*Quần của bảo vệ Chất liệu: Kaki hoặc tương đương Màu sắc: Màu tím than Khối lượng vải (G/M2) 217.6 ± 1 Mật độ vải (Sợi/10CM) (ĐọcxNgang) $430 \times 210 \pm 5$ Độ bền xé rách (N) (ĐọcxNgang) $92.2 \times 54.0 \pm 1$ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (ĐọcxNgang) $(-1.0) \times (0.0) \pm 1$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 86.4 ± 1 Cotton 13.6 ± 1	Chiếc	76
23	Áo Polo của nhân viên phòng Công tác xã hội	- Áo : Có in logo bệnh viện (Kích thước 5cm), kiểu thun ngắn tay - May đo theo số đo cá nhân	*Áo Polo của nhân viên phòng Công tác xã hội Chất liệu Cotton Màu sắc: xanh da trời	Chiếc	29
24	Chân váy của nhân viên phòng Công tác xã hội	- Chân váy nữ công sở - đáng bút chì - May đo theo số đo cá nhân	*Chân váy của nhân viên phòng Công tác xã hội Chất liệu: Tuyền mưa hoặc tương đương Màu sắc: Đen Khối lượng vải (G/M2) 284.7 ± 1 Mật độ vải (Sợi/10CM) (ĐọcxNgang) $645 \times 337 \pm 5$ Độ bền xé rách (N) (ĐọcxNgang) $79.3 \times 65.5 \pm 1$ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (ĐọcxNgang) $(-0.5) \times (0.0) \pm 1$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 100%	Chiếc	21

STT	Danh mục	Quy cách may	Chất liệu, thông số vải	Đơn vị tính	Số lượng
25	Quần của nhân viên phòng Công tác xã hội	- Quần âu 2 ly, có 1 túi sau May đo theo số đo cá nhân	*Quần của nhân viên phòng Công tác xã hội Chất liệu: Tuyết mưa hoặc tương đương Màu sắc: Đen Khối lượng vải (G/M2) 284.7 ± 1 Mật độ vải (Sợi/10CM) (ĐọcxNgang) $645 \times 337 \pm 5$ Độ bền xé rách (N) (ĐọcxNgang) $79.3 \times 65.5 \pm 1$ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (ĐọcxNgang) $(-0.5) \times (0.0) \pm 1$ Độ bền màu giặt ở 40°C (Cấp) 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) Polyester 100%	Chiếc	2
Tổng cộng: 25 khoản					

Handwritten signature



PHỤ LỤC 2 MẪU BÁO GIÁ
(Kèm theo Thư mời chào báo giá số 1274/TMBG-BVĐKHB ngày 26 / 8 /2025 của Bệnh viện Đa khoa Hoà Bình)

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa Hòa Bình

Công ty Có địa chỉ tại, số đăng ký kinh doanh được cấp bởi.....
Căn cứ theo thư mời báo giá số: ngày/tháng/năm 2025 của Bệnh viện và khả năng cung ứng của công ty. Chúng tôi xin gửi tới quý Bệnh viện bảng báo giá các hàng hóa, dịch vụ như sau:

STT	Danh mục	Quy cách may	Chất liệu, thông số vải	Đơn vị tính	Hàng/nước sản xuất	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1								
2								
....								

Giá trên đã bao gồm VAT, chi phí vận chuyển, giao hàng và các chi phí khác (nếu có).

- Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ...
- Chúng tôi cam kết:.....
 - Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
 - Giá trị hàng hóa, dịch vụ trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
 - Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....
Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp
(Ký tên, đóng dấu)

